

Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, cơ sở lý luận để hoàn thiện quy định của pháp luật về nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử

Trịnh Duy Thuyền*

Nhận ngày 08 tháng 4 năm 2025. Chấp nhận đăng ngày 26 tháng 6 năm 2025.

Tóm tắt: Trong bối cảnh chuyển đổi số và cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, dữ liệu điện tử ngày càng trở thành nguồn chứng cứ quan trọng trong tố tụng dân sự, hình sự và trọng tài thương mại. Tuy nhiên, hệ thống pháp luật Việt Nam vẫn chưa có sự đồng bộ trong quy định về chứng cứ điện tử, dẫn đến nhiều khó khăn trong quá trình thu thập, đánh giá và sử dụng loại chứng cứ này. Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị được ban hành nhằm thúc đẩy quá trình chuyển đổi số quốc gia, đồng thời đặt ra yêu cầu cấp thiết về hoàn thiện khung pháp lý tại Việt Nam. Trong phạm vi bài viết này, tác giả phân tích một số bất cập trong quy định của pháp luật liên quan đến nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử và đề xuất một số giải pháp hoàn thiện pháp luật dựa trên tinh thần Nghị quyết 57-NQ/TW.

Từ khóa: Luật Giao dịch Điện tử, Nghị quyết 57, dữ liệu số, pháp luật số, blockchain.

Phân loại ngành: Luật học

Abstract: In the context of digital transformation and the Fourth Industrial Revolution, electronic data has increasingly become a critical source of evidence in civil litigation, criminal proceedings, and commercial arbitration. However, the Vietnamese legal framework lacks uniformity in regulating electronic evidence, resulting in significant challenges in its collection, assessment, and utilizing this type of evidence. The Resolution No.57-NQ/TW issued by the Politburo of the Communist Party of Vietnam aims to promote the national digital transformation process, while also underscoring the urgent necessity of refining Vietnam's legal framework. This article analyzes several shortcomings in current legal provisions concerning electronic evidence and proposes several solutions to improve the legal system in accordance with the principles set forth in the Resolution No. 57-NQ/TW.

Keywords: Law on Electronic Transactions of Vietnam, Resolution 57, digital data, digital law, blockchain.

Subject classification: Jurisprudence

1. Mở đầu

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ và chuyển đổi số ngày càng trở thành xu thế tất yếu của thế giới, việc ứng dụng công nghệ thông tin vào mọi lĩnh vực đời sống xã hội đặt ra yêu cầu cấp thiết về hoàn thiện khung pháp lý. Một trong những yêu cầu đó chính là xác lập và hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan đến nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử, nhằm tạo cơ sở vững chắc cho quá trình giải quyết các vụ việc dân sự, hình sự, thương mại một cách nhanh chóng, hiệu quả, minh bạch và công bằng.

Trên cơ sở đó, ngày 22/12/2024, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW về “Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia”. Đây là một Nghị quyết chiến lược, khẳng định mạnh mẽ tầm nhìn và quyết tâm của Đảng, Nhà nước trong việc thúc đẩy chuyển đổi số, hoàn thiện thể chế, và tạo động lực cho đổi mới sáng tạo.

* Trường Kinh tế Luật và Quản lý Nhà nước - Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.
Email: thuyentd@ueh.edu.vn

Với những định hướng rõ ràng và các quan điểm tiên bộ, Nghị quyết 57-NQ/TW đã tạo ra cơ sở lý luận quan trọng để hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam. Trong phạm vi bài viết này, tác giả sẽ tập trung phân tích những nội dung cơ bản của Nghị quyết 57-NQ/TW, làm rõ cơ sở lý luận của việc hoàn thiện pháp luật về nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử, chỉ ra những hạn chế, bất cập còn tồn tại, từ đó đề xuất các giải pháp và định hướng hoàn thiện cụ thể nhằm đáp ứng tốt hơn các yêu cầu thực tiễn đang đặt ra trong thời kỳ chuyển đổi số.

2. Nội dung

2.1. Những vấn đề lý luận của Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị ban hành ngày 10/6/2024 (Bộ Chính Trị, 2024) không chỉ là văn bản chính sách đơn thuần mà là “kim chỉ nam” định hướng cho quá trình chuyển đổi số toàn diện, phản ánh tầm nhìn chiến lược của Đảng trong việc nắm bắt cơ hội từ Cách mạng công nghiệp 4.0 (Báo Điện tử Chính Phủ, 2025). Với mục tiêu đưa khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trở thành động lực cốt lõi cho tăng trưởng kinh tế, Nghị quyết này có giá trị đa chiều, từ thúc đẩy kinh tế số đến củng cố an ninh mạng, đồng thời đặt ra yêu cầu cải cách hệ thống pháp luật để đồng hành cùng tiến trình chuyển đổi. Việc ban hành Nghị quyết thể hiện tính đúng đắn của Bộ Chính trị khi nhận diện rõ các thách thức và cơ hội của thời đại số, từ đó đề ra giải pháp toàn diện, hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền quốc gia.

Về kinh tế, Nghị quyết xác định chuyển đổi số là “đột phá chiến lược” để nâng cao năng suất, chất lượng tăng trưởng (Báo Điện tử Chính Phủ, 2025). Theo Ngân hàng Thế giới (2023), kinh tế số Việt Nam đạt quy mô 23 tỷ USD năm 2023, chiếm 7% GDP, nhưng tiềm năng có thể lên 220 tỷ USD vào 2030 nếu tận dụng công nghệ (Thủy Diệu, 2024). Nghị quyết 57 yêu cầu tập trung vào xây dựng hệ sinh thái số liên ngành, từ nông nghiệp thông minh đến thương mại điện tử, tạo điều kiện cho doanh nghiệp SME tiếp cận nền tảng số. Điều này phù hợp với khuyến nghị của OECD (2021) về việc tích hợp công nghệ vào chuỗi giá trị để tối ưu hóa hiệu quả. Đặc biệt, việc khuyến khích đầu tư vào công nghiệp an ninh mạng (được nhấn mạnh tại Nghị quyết) không chỉ bảo vệ doanh nghiệp trước rủi ro tấn công mạng mà còn mở ra thị trường tiềm năng trị giá 1,5 tỷ USD cho các startup công nghệ bản địa (Bộ Thông tin và Truyền thông, 2023).

Về an ninh quốc gia, Nghị quyết đề cao việc phát triển “công nghiệp an ninh mạng” và “nền tảng số quốc gia”, phản ánh tư duy chủ động trong bảo vệ chủ quyền số. Trong bối cảnh 70% vụ tấn công mạng tại Việt Nam có nguồn gốc từ nước ngoài (Bộ Thông tin và Truyền thông, 2023), việc xây dựng hệ thống phòng thủ mạng tự chủ là yêu cầu sống còn. Nghị quyết đặt mục tiêu xây dựng hạ tầng công nghệ số tiên tiến, hiện đại, dung lượng siêu lớn, băng thông siêu rộng ngang tầm các nước tiên tiến; từng bước làm chủ một số công nghệ chiến lược, công nghệ số như: Trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối, bán dẫn, công nghệ lượng tử, nano, thông tin di động 5G, 6G, thông tin vệ tinh và một số công nghệ mới nổi, phủ sóng 5G toàn quốc. Qua đó, cần giảm sự cố an ninh mạng thông qua hợp tác công - tư, điều này không chỉ củng cố hạ tầng số mà còn giảm phụ thuộc vào công nghệ ngoại (Cybersecurity - Vietnam, 2025).

Về đổi mới sáng tạo, Nghị quyết thúc đẩy cơ chế “sandbox” (khung pháp lý thử nghiệm) cho các công nghệ mới như AI, blockchain. Cách tiếp cận này phù hợp với kinh nghiệm quốc tế, như Singapore đã áp dụng sandbox fintech từ 2016, giúp tăng 40% số startup công nghệ. Tại Việt Nam, sandbox sẽ tạo môi trường an toàn để doanh nghiệp thử nghiệm mô hình mới mà không vướng rào cản pháp lý cứng nhắc, từ đó thu hút đầu tư FDI vào lĩnh vực

công nghệ cao. Điều này đặc biệt quan trọng khi 85% doanh nghiệp công nghệ Việt Nam là SMEs, cần cơ chế linh hoạt để cạnh tranh toàn cầu (VINASA, 2023).

Về hệ thống pháp luật, Nghị quyết 57 đóng vai trò là cầu nối giữa chính sách vĩ mô và khung pháp lý vi mô, đặc biệt trong lĩnh vực chuyển đổi số. Nghị quyết nhấn mạnh việc cần khẩn trương sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật liên quan đến khoa học, công nghệ, đầu tư, ngân sách nhà nước, sở hữu trí tuệ và thuế. Mục tiêu là tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản, giải phóng nguồn lực, khuyến khích phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (Lan Hương, Phạm Thắng, 2025). Đồng thời, đổi mới tư duy xây dựng pháp luật, đảm bảo vừa quản lý hiệu quả vừa khuyến khích đổi mới sáng tạo, loại bỏ tư duy “không quản được thì cấm”. Điều này đòi hỏi các nhà lập pháp phải linh hoạt, chấp nhận rủi ro và đầu tư mạo hiểm trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo (Hồng Minh, 2025).

2.2. Tầm quan trọng của nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử trong quá trình tố tụng hiện nay và một số bất cập

Trong bối cảnh công nghệ số phát triển mạnh mẽ, chứng cứ điện tử đã trở thành yếu tố không thể thiếu trong quá trình tố tụng tại Tòa án hoặc giải quyết các tranh chấp của trọng tài thương mại. Thư điện tử, tin nhắn, video, ghi âm, dữ liệu định vị (GPS), dữ liệu từ camera an ninh, thông tin từ mạng xã hội, hợp đồng điện tử, Blockchain... ngày càng có vai trò quan trọng, góp phần xác định sự thật khách quan. Tuy nhiên, Khái niệm về nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử lại có những cách hiểu chưa được thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam. Tác giả tổng hợp và đưa ra những đối sánh cụ thể như sau:

Tiêu chí	BLTTHS 2015	BLTTDS 2015	Luật Giao dịch điện tử 2023	Luật Trọng tài thương mại 2010	Mức độ tiệm cận chuẩn mực quốc tế
Khái niệm chứng cứ điện tử	Điều 99: Dữ liệu điện tử là ký hiệu, chữ viết, hình ảnh, âm thanh... được tạo ra, lưu trữ, truyền điện tín... bởi phương tiện điện tử.	Điều 94, 95: Dữ liệu điện tử là nguồn chứng cứ; Thông điệp dữ liệu thể hiện trữ theo điện tử. Luật Giao dịch điện tử.	Điều 3: Dữ liệu điện tử là dữ liệu được tạo ra, xử lý, lưu trữ bằng phương tiện điện tử. Hợp đồng điện tử là hợp đồng dưới dạng thông điệp dữ liệu.	Không định nghĩa trực tiếp; công nhận gián tiếp qua thông điệp dữ liệu.	Chưa tương thích hoàn toàn với định nghĩa của UNCITRAL (bao gồm metadata, blockchain, v.v.).
Giá trị pháp lý	Chứng cứ điện tử có giá trị ngang với các loại chứng cứ khác nếu đảm bảo tính khách quan, hợp pháp, xác thực.	Chứng cứ điện tử hợp pháp nếu có độ tin cậy và khả năng xác minh.	Điều 8, 14: Thông điệp dữ liệu có giá trị như văn bản nếu đảm bảo toàn vẹn, xác thực.	Được chấp nhận nếu đáng tin cậy, nhưng thiếu quy định cụ thể.	Tiệm cận UNCITRAL, nhưng thiếu hướng dẫn chi tiết như trong ICC Rules hay Singapore Evidence Act.
Điều kiện chấp nhận	Phải thu thập hợp pháp, đảm bảo tính toàn vẹn, xác thực, thể	Phải xác thực được, có nguồn gốc rõ ràng, có thể kiểm tra	Phải chứng minh được tính toàn vẹn, bảo mật, nguồn gốc thuộc	Không có tiêu chuẩn kỹ thuật cụ thể; phụ thuộc thỏa	Chưa tiệm cận với các hệ thống đã có quy trình đánh

	xuất xứ rõ ràng.	được tại tòa.	trong quá trình thuận và đánh giá kỹ thuật khởi tạo và giá chủ quan. độc lập (Mỹ, truyền gửi. Anh).
Quy trình thu thập, cung cấp	Có quy trình rõ ràng theo luật tố tụng hình sự; tiêu chuẩn kỹ thuật; kiểm soát bởi cơ quan tiến hành tố tụng.	Quy trình chưa cụ thể, thiếu tiêu chuẩn kỹ thuật; đương sự tự cung cấp.	Không điều chỉnh quy trình pháp lý tập trung vào hiệu lực pháp lý. Không có quy trình pháp lý cụ thể; linh hoạt theo thỏa thuận. Không đồng bộ với các hệ thống có quy trình bảo mật - xác thực chuẩn ISO/IEC 27037.
Hạn chế hiện tại	Thiếu hướng dẫn kỹ thuật, thiếu thống nhất trong thực hành.	Chưa có quy chuẩn đánh giá thống nhất; thẩm định còn cảm tính.	Quy định còn khái quát; chưa làm rõ ứng dụng trong xét xử. Thiếu quy định pháp lý cụ thể về bảo mật, xác thực dữ liệu. Chưa đáp ứng đầy đủ khuyến nghị của Công ước Budapest (2001) về bảo vệ quyền và chứng cứ số.

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Trong lĩnh vực tố tụng hình sự: nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử đã góp phần quan trọng trong việc phát hiện và xử lý các tội phạm công nghệ cao như lừa đảo qua mạng, đánh bạc trực tuyến, tội phạm an ninh mạng, tội phạm xuyên biên giới... Nhờ vào nguồn chứng cứ này mà cơ quan điều tra có thể nhanh chóng xác định đối tượng phạm tội, truy vết chính xác và tiết kiệm đáng kể thời gian và nguồn lực trong quá trình điều tra. Tuy nhiên, Bộ luật Tố tụng Hình sự (BLTTHS) 2015 hiện hành chưa có quy định cụ thể về tiêu chuẩn kỹ thuật cho công nghệ sử dụng trong thu thập chứng cứ, dẫn đến rủi ro về tính pháp lý của chứng cứ thu được. Điều 99 BLTTHS 2015 chỉ dừng lại ở việc thừa nhận chứng cứ điện tử là một trong các nguồn chứng cứ, nhưng không quy định chi tiết quy trình bảo quản, xác thực tính toàn vẹn của dữ liệu. BLTTHS 2015 chưa quy định cụ thể về nguyên tắc proportionality (tính tương xứng) khi thu thập chứng cứ điện tử, dẫn đến nguy cơ lạm dụng. Công ước Budapest về tội phạm mạng (2001) khuyến nghị các quốc gia xây dựng quy trình thu thập chứng cứ điện tử tuân thủ nguyên tắc pháp quyền và bảo vệ nhân quyền. Do đó cần có những định hướng hoàn thiện quy định của BLTTHS theo hướng phù hợp với xu thế quốc tế và đáp ứng mục tiêu “xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa”.

Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS) năm 2015 thừa nhận "dữ liệu điện tử" là một trong các nguồn chứng cứ, nhưng không định nghĩa rõ ràng về chứng cứ điện tử. Khoản 3 Điều 95 BLTTDS 2015 quy định "thông điệp dữ liệu điện tử" được thể hiện dưới các hình thức như trao đổi dữ liệu điện tử, chứng từ điện tử, thư điện tử, điện tín, điện báo, fax và các hình thức tương tự khác theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. Sự thiếu thống nhất này dẫn đến khó khăn trong việc nhận diện và xử lý chứng cứ điện tử trong quá trình tố tụng (Nguyễn Thành Minh Chánh, 2021). Pháp luật hiện hành cũng chưa có hướng dẫn cụ thể về tiêu chuẩn đánh giá chứng cứ điện tử. Mặc dù Luật Giao dịch điện tử năm 2023 quy định về giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu, nhưng không đề cập chi tiết đến tiêu chuẩn đánh giá chứng cứ điện tử trong tố tụng dân sự. Sự thiếu hụt này dẫn đến việc đánh giá chứng cứ điện tử dựa nhiều vào quan điểm chủ quan của thẩm phán, gây ra sự thiếu nhất quán trong các phán quyết (Đinh Thị Ngọc Hà, 2023). Luật giao dịch điện tử 2023 công nhận giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu điện tử, nhưng chưa có hướng dẫn cụ thể về tiêu chuẩn đánh giá và quy trình thu thập, kiểm tra chứng cứ điện tử trong tố tụng dân sự. Điều này dẫn đến sự thiếu nhất quán trong việc áp dụng pháp luật và đánh giá chứng cứ điện tử.

Không chỉ trong hệ thống tòa án, cơ chế giải quyết tranh chấp ngoài Tòa án, đặc biệt là trọng tài thương mại cũng chưa được pháp luật điều chỉnh đầy đủ về mặt chứng cứ điện tử. Luật Trọng tài thương mại năm 2010 hoàn toàn không có điều khoản riêng nào điều chỉnh về thu thập, cung cấp hoặc đánh giá chứng cứ điện tử. Mặc dù Điều 46 của luật này quy định về quyền và nghĩa vụ của các bên trong việc cung cấp chứng cứ, nhưng lại không làm rõ khả năng và điều kiện chấp nhận dữ liệu điện tử làm chứng cứ hợp pháp (Đăng Công, Minh Huyền, 2025; Nguyễn Thị Thư, 2025). Việc bỏ ngỏ quy định pháp lý trong bối cảnh các giao dịch thương mại ngày càng diễn ra trên môi trường số đã làm giảm tính hiệu quả của trọng tài - vốn được xem là phương thức giải quyết tranh chấp linh hoạt, nhanh chóng và phù hợp với thực tiễn kinh doanh hiện đại.

Bên cạnh đó, trong nền kinh tế số, các loại chứng cứ điện tử như hợp đồng điện tử, hóa đơn điện tử, thư điện tử (email), tin nhắn, chữ ký số,... đang ngày càng phổ biến và có giá trị chứng minh không kém gì các loại chứng cứ truyền thống. Đặc biệt, trong các tranh chấp dân sự và thương mại, việc sử dụng dữ liệu điện tử giúp các bên đương sự dễ dàng chứng minh quyền lợi hợp pháp của mình. Tuy nhiên, thực tế áp dụng các quy định hiện hành cho thấy rằng hệ thống pháp luật vẫn còn thiếu các tiêu chuẩn kỹ thuật rõ ràng để xác định tính toàn vẹn và xác thực của dữ liệu điện tử những điều kiện tiên quyết để đảm bảo tính hợp pháp và giá trị chứng minh của loại chứng cứ này.

Ngoài các vấn đề nội tại trong hệ thống pháp luật, một trong những thách thức lớn hiện nay chính là việc thu thập dữ liệu điện tử từ các nền tảng xuyên biên giới như Facebook, Google, Apple... Trong điều kiện các dữ liệu này thường được lưu trữ tại máy chủ nước ngoài, việc yêu cầu các doanh nghiệp công nghệ cung cấp dữ liệu phục vụ điều tra, xét xử thường gặp nhiều trở ngại pháp lý. Pháp luật Việt Nam hiện chưa thiết lập một cơ chế ủy thác tư pháp quốc tế đặc thù trong lĩnh vực này, khiến cho hoạt động chứng minh, đặc biệt trong các vụ án hình sự và tranh chấp thương mại quốc tế, gặp nhiều khó khăn về mặt pháp lý và kỹ thuật. Báo cáo của Bộ Công an giai đoạn 2021-2024 cho thấy có đến khoảng 67% cán bộ điều tra gặp trở ngại trong việc áp dụng biện pháp nghiệp vụ số do thiếu nền tảng pháp lý cụ thể, điều này phản ánh sự cấp thiết của việc hoàn thiện hệ thống pháp luật theo hướng đồng bộ, phù hợp với yêu cầu thực tiễn và hội nhập quốc tế (Bộ Công an, 2021-2024).

Từ những phân tích nêu trên, có thể khẳng định rằng mặc dù pháp luật Việt Nam đã bước đầu ghi nhận và công nhận giá trị pháp lý của chứng cứ điện tử, nhưng vẫn tồn tại nhiều khoảng trống pháp lý đáng kể. Việc hoàn thiện các quy định về chứng cứ điện tử bao gồm cả khái niệm, tiêu chuẩn đánh giá, quy trình thu thập, bảo quản và xác minh không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả của hoạt động tố tụng mà còn là một phần thiết yếu trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền con người, quyền công dân và thúc đẩy phát triển nền tư pháp điện tử hiện đại, minh bạch.

2.3. Nghị quyết 57-NQ/TW cơ sở để hoàn thiện hệ thống pháp luật về chứng cứ có nguồn từ dữ liệu điện tử

Trước hết, Nghị quyết 57-NQ/TW xác định chuyển đổi số là “đột phá chiến lược” để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Điều này đòi hỏi hệ thống pháp luật phải thích ứng với môi trường số, trong đó có quy định về nguồn chứng cứ là dữ liệu điện tử. Chứng cứ điện tử (electronic evidence) không chỉ là dữ liệu tồn tại dưới dạng kỹ thuật số mà còn bao gồm các thông tin được tạo ra, lưu trữ hoặc truyền đi qua hệ thống mạng (UNODC, 2013). Sự phát triển của công nghệ blockchain, trí tuệ nhân tạo (AI), và Internet vạn vật (IoT) đã làm gia tăng tính phức tạp của loại chứng cứ này, đặt ra yêu cầu cấp thiết về khung pháp lý đủ mạnh để đảm bảo tính hợp pháp, khả năng kiểm chứng và giá trị chứng minh. Nghị quyết nhấn mạnh

việc “xây dựng và dùng chung các nền tảng số quốc gia” - điều này gợi mở về sự cần thiết thiết lập hệ thống lưu trữ, xác thực chứng cứ điện tử tập trung, đảm bảo tính liên thông giữa các cơ quan tư pháp, từ đó nâng cao hiệu quả điều tra, truy tố và xét xử.

Thứ hai, Nghị quyết đề cập đến việc “ban hành chính sách đặc biệt để thu hút tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chuyển đổi số”. Trong bối cảnh tư pháp hình sự, điều này hàm ý cần xây dựng cơ chế hợp tác công - tư (PPP) để phát triển công nghệ phục vụ thu thập, phân tích chứng cứ điện tử. Chẳng hạn, các doanh nghiệp công nghệ có thể cung cấp giải pháp bảo mật dữ liệu, công cụ phân tích big data phục vụ điều tra tội phạm mạng.

Thứ ba, yêu cầu “bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số” trong Nghị quyết phản ánh tính cấp thiết của việc chuẩn hóa quy trình xử lý chứng cứ điện tử. Hiện nay, sự thiếu đồng bộ giữa các quy định của BLTTHS, Luật An ninh mạng 2018, Bộ luật dân sự 2015, Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Luật Trọng tài thương mại 2010... và các văn bản hướng dẫn dẫn đến tình trạng chồng chéo hoặc khoảng trống pháp lý. Bên cạnh đó, Nghị quyết 57 đề cao việc xây dựng “công nghiệp an ninh mạng” - điều này đặt ra yêu cầu về năng lực kỹ thuật của cơ quan tư pháp trong việc đảm bảo an toàn thông tin khi xử lý chứng cứ điện tử, tránh nguy cơ bị xâm nhập, giả mạo.

Thứ tư, Nghị quyết nhấn mạnh “thúc đẩy hệ sinh thái kinh tế số”, điều này liên quan mật thiết đến việc bảo vệ quyền con người trong tố tụng hình sự, giao dịch thương mại... Chứng cứ điện tử thường chứa thông tin cá nhân nhạy cảm (như dữ liệu định vị, lịch sử giao dịch), do đó, pháp luật cần cân bằng giữa mục tiêu điều tra và quyền riêng tư.

2.4. Kiến nghị

Từ những phân tích đã trình bày, có thể thấy rằng việc hoàn thiện pháp luật về chứng cứ điện tử trong tố tụng là một yêu cầu cấp bách, không chỉ xuất phát từ đòi hỏi thực tiễn ngày càng gia tăng của các hoạt động tư pháp trong môi trường số, mà còn phù hợp với định hướng cải cách tư pháp đã được khẳng định trong Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị. Việc hoàn thiện này cần được tiếp cận theo hướng đa tầng, bao gồm: (i) Sửa đổi, bổ sung pháp luật nội dung và hình thức; (ii) Nâng cao năng lực thể chế và nhân lực tư pháp; (iii) Thiết lập cơ chế hợp tác quốc tế hiệu quả và (iv) Phát triển hạ tầng tư pháp số. Cụ thể:

Thứ nhất, về hoàn thiện hệ thống pháp luật, cần sửa đổi, bổ sung các đạo luật có liên quan nhằm thiết lập một khuôn khổ pháp lý thống nhất, đầy đủ và có tính khả thi cao trong việc ghi nhận, thu thập, đánh giá và sử dụng chứng cứ điện tử.

Trong tố tụng hình sự, việc sửa đổi BLTTHS cần: (i) Xác định rõ khái niệm và phân loại chứng cứ điện tử theo đặc trưng kỹ thuật và giá trị pháp lý; (ii) Quy định quy trình thu thập, bảo quản và đánh giá chứng cứ điện tử bảo đảm đáp ứng cả tiêu chuẩn kỹ thuật (như tính toàn vẹn, xác thực, khả năng truy nguyên) và tiêu chuẩn pháp lý (hợp pháp, hợp lý, cần thiết); (iii) Thiết lập cơ chế xác định và ràng buộc trách nhiệm pháp lý của các tổ chức cung cấp dịch vụ số trong việc phối hợp với cơ quan tiến hành tố tụng; (iv) Nội luật hóa nguyên tắc tương xứng (proportionality) trong thu thập dữ liệu điện tử, nhằm cân bằng giữa nhu cầu điều tra và bảo vệ quyền riêng tư cá nhân. Cùng với đó, cần thiết lập cơ chế giám sát độc lập, có thể thông qua cơ quan thanh tra tư pháp hoặc hệ thống kiểm tra của viện kiểm sát, nhằm bảo đảm hoạt động thu thập dữ liệu không bị lạm dụng hoặc vượt quá giới hạn cần thiết.

Đối với tố tụng dân sự: Cần xây dựng các quy định cụ thể hơn về tiêu chí xác thực và đánh giá dữ liệu điện tử chẳng hạn như email, tin nhắn, hợp đồng điện tử, hóa đơn điện tử, bao gồm tính nguyên gốc, toàn vẹn và khả năng truy xuất nguồn gốc. Đồng thời, cần ban hành hướng dẫn chi tiết về quy trình chấp nhận và thẩm định chứng cứ điện tử, có thể do Tòa án nhân dân tối cao chủ trì xây dựng dưới dạng án lệ hoặc thông tư liên tịch. Ngoài ra, việc hoàn thiện trình tự, thủ tục bảo quản dữ liệu để tránh sửa đổi, mất mát hoặc giả mạo trong suốt quá trình tố tụng

cũng cần được luật hóa rõ ràng. Bên cạnh đó, nên quy định rõ ràng trách nhiệm pháp lý của các bên liên quan khi cung cấp và sử dụng chứng cứ điện tử tại tòa án.

Trong tổ tụng trọng tài thương mại: Cần nhanh chóng xây dựng hành lang pháp lý điều chỉnh hoạt động cung cấp và đánh giá chứng cứ điện tử, đặc biệt trong các tranh chấp có yếu tố nước ngoài hoặc sử dụng nền tảng giao dịch quốc tế. Việc nội luật hóa các tiêu chí kỹ thuật và pháp lý như tính toàn vẹn, xác thực, bảo mật,... nên được thiết kế tương thích với các chuẩn mực quốc tế như Luật mẫu của UNCITRAL về trọng tài thương mại quốc tế hoặc Quy tắc trọng tài ICC. Mặt khác, cần sớm đề xuất sửa đổi Luật Trọng tài thương mại năm 2010 nhằm bổ sung chương hoặc điều khoản riêng về chứng cứ điện tử, thay vì chỉ viện dẫn chung như hiện nay.

Thứ hai, cần chuyển đổi tư duy quản lý pháp luật trong bối cảnh số hóa, theo hướng linh hoạt và thích ứng. Cụ thể, nên áp dụng nguyên tắc “thí điểm trước, điều chỉnh sau” đối với các mô hình, nền tảng và phương thức giao dịch điện tử mới phát sinh. Việc thử nghiệm pháp lý có kiểm soát (regulatory sandbox) trong lĩnh vực pháp lý - công nghệ (legal-tech) sẽ tạo điều kiện để vừa khuyến khích đổi mới sáng tạo, vừa chủ động định hình hành lang pháp lý phù hợp với thực tiễn phát triển

Thứ ba, về thể chế hỗ trợ, cần xây dựng một trung tâm hỗ trợ kỹ thuật tư pháp số quốc gia - có thể đặt dưới sự điều phối của Tòa án nhân dân tối cao hoặc Bộ Tư pháp với chức năng cung cấp công cụ phân tích, giám định, xác thực chứng cứ điện tử trong các vụ việc phức tạp. Cùng với đó, các cơ quan tiến hành tố tụng cần được trang bị hạ tầng kỹ thuật hiện đại và tổ chức đào tạo chuyên sâu cho điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán, luật sư và trọng tài viên về kỹ năng nhận diện, thu thập, bảo quản và đánh giá chứng cứ điện tử. Việc đưa nội dung này vào chương trình đào tạo nghề luật là cần thiết để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong ngành tư pháp.

Thứ tư, về hợp tác quốc tế, Việt Nam cần chủ động tham gia các diễn đàn, cơ chế đa phương về chứng cứ điện tử, đồng thời tăng cường trao đổi kinh nghiệm lập pháp và tư pháp với các quốc gia có hệ thống pháp luật phát triển như Hoa Kỳ, Anh, Singapore, nhằm nâng cao năng lực nội luật hóa chuẩn mực quốc tế, tăng tính tương thích trong hoạt động tương trợ tư pháp và công nhận chứng cứ điện tử xuyên biên giới. Bên cạnh đó, Việt Nam nên xem xét lộ trình tham gia Công ước Budapest về tội phạm mạng, như một bước đi chiến lược nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý quốc tế cho việc thu thập và chia sẻ chứng cứ điện tử trong đấu tranh phòng, chống tội phạm công nghệ cao.

Tổng thể, các đề xuất trên không chỉ nhằm khắc phục các khiếm khuyết hiện hữu trong hệ thống pháp luật hiện hành, mà còn hướng đến xây dựng một nền tư pháp số hiện đại, chuyên nghiệp, công bằng và hội nhập, đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong thời đại chuyển đổi số toàn diện.

3. Kết luận

Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Chính trị là bước ngoặt quan trọng, thể hiện rõ quyết tâm của Đảng và Nhà nước ta trong việc thúc đẩy mạnh mẽ quá trình chuyển đổi số, phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, tạo cơ sở nền tảng vững chắc để đổi mới hệ thống pháp luật trong điều kiện mới. Trong bối cảnh chứng cứ điện tử đang trở thành loại chứng cứ phổ biến và ngày càng quan trọng trong hoạt động tố tụng hình sự, dân sự, thương mại và trọng tài thương mại, việc hoàn thiện pháp luật về chứng cứ điện tử là một yêu cầu khách quan và cấp thiết.

Từ những phân tích trên, rõ ràng hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay về chứng cứ điện tử vẫn còn tồn tại nhiều điểm hạn chế, thiếu sự đồng bộ, chưa theo kịp xu hướng phát triển

của thế giới và thực tiễn trong nước. Vì thế, việc vận dụng triệt để các quan điểm, định hướng tiến bộ trong Nghị quyết 57-NQ/TW là cần thiết, nhằm xây dựng một khung pháp lý đồng bộ, rõ ràng và minh bạch hơn, tạo điều kiện thuận lợi để chứng cứ điện tử được sử dụng hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả của quá trình giải quyết vụ án.

Những đề xuất, kiến nghị được trình bày trong bài viết là cơ sở để hoàn thiện các quy định cụ thể trong Luật Tố tụng hình sự, Luật Tố tụng dân sự, Luật Trọng tài thương mại và các văn bản pháp luật liên quan khác. Thực hiện tốt những nhiệm vụ này không chỉ giúp nâng cao chất lượng xét xử và giải quyết tranh chấp tại Việt Nam, mà còn góp phần tích cực vào mục tiêu chung của Nghị quyết 57-NQ/TW là xây dựng đất nước phát triển thịnh vượng, bền vững, hiện đại và hội nhập sâu rộng trong thời đại công nghệ số.

Tài liệu tham khảo

Báo Điện tử Chính phủ. (2025). *Nghị quyết 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*. <https://xaydungchinhhsach.chinhphu.vn/toan-van-nghi-quyet-ve-dot-pha-phat-trien-khoa-hoc-cong-nghe-doi-moi-sang-tao-va-chuyen-doi-so-quoc-gia-119241224180048642.htm>

Bộ Chính trị. (2024). *Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/nghi-quyet-so-57-nqtw-ngay-22122024-cua-bo-chinh-tri-ve-dot-pha-phat-trien-khoa-hoc-cong-nghe-doi-moi-sang-tao-va-chuyen-11162>

Bộ Công an. (2021-2024). *Báo cáo về tội phạm công nghệ cao*.

Bộ Thông tin và Truyền thông. (2023). *Báo cáo an ninh mạng Việt Nam năm 2023*.

Cybersecurity - Vietnam. (2025). *Vietnam Cybersecurity Report*. <https://www.statista.com/outlook/tmo/cybersecurity/vietnam>

Đặng Công, Minh Huyền. (2025). Từ xu hướng giải quyết tranh chấp trực tuyến trong thương mại quốc tế: Cần sớm hoàn thiện khung pháp lý về Trọng tài điện tử. *Pháp Lý*. <https://phaply.net.vn/tu-xu-huong-giai-quyet-tranh-chap-truc-tuyen-trong-thuong-mai-quoc-te-can-som-hoan-thien-khung-phap-ly-ve-trong-tai-dien-tu-a258378.html>

Đinh Thị Ngọc Hà. (2023). Chứng cứ điện tử trong tố tụng dân sự theo pháp luật Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới. *Dân chủ Pháp luật*. <https://danchuphapluat.vn/chung-cu-dien-tu-trong-to-tung-dan-su-theo-phap-luat-viet-nam-va-mot-so-quoc-gia-tren-the-gioi>

Hồng Minh. (2025). Nghị quyết 57 là lời hiệu triệu, là mệnh lệnh đối với toàn thể người dân Việt Nam. <https://baophapluat.vn/nghi-quyet-57-la-loi-hieu-trieu-la-menh-lenh-doi-voi-toan-the-nguoi-dan-viet-nam-post539875.html>

Lan Hương, Phạm Thắng. (2025). Đổi mới tư duy xây dựng pháp luật, bảo đảm yêu cầu quản lý và khuyến khích đổi mới sáng tạo. <https://quochoi.vn/tintuc/pages/su-kien-noi-bat.aspx?ItemID=92182>

Nguyễn Thành Minh Chánh. (2021). Pháp luật về chứng cứ điện tử tại Việt Nam. *Tòa án nhân dân*. <https://tapchitoaan.vn/phap-luat-ve-chung-cu-dien-tu-tai-viet-nam>

Nguyễn Thị Thư. (2025). Một số vướng mắc từ thực tế áp dụng Luật Trọng tài thương mại và đề xuất hướng hoàn thiện. *Pháp Lý*. <https://phaply.net.vn/mot-so-vuong-mac-tu-thuc-te-ap-dung-luat-trong-tai-thuong-mai-va-de-xuat-huong-hoan-thien-a258065.html>

Thủy Diệu. (2024). Làn sóng tiếp theo của kinh tế số Việt Nam. <https://vneconomy.vn/lan-song-tiep-theo-cua-kinh-te-so-viet-nam.htm>

UNODC. (2013). Comprehensive study on cybercrime. <https://www.unodc.org/unodc/en/organized-crime/comprehensive-study-on-cybercrime.html>

VINASA. (2023). *White book: Vietnam Software and IT Services Industry*.